

Bản án số: 07/2025/DS-ST

Ngày 24 tháng 7 năm 2025

V/v “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa : Bà Ngô Thị Minh Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hữu Vị

2. Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

Thư ký phiên tòa: Bà Lại Phương Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Hoàng Miên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Phú Thọ mở phiên tòa công khai xét xử vụ án dân sự thụ lý số: 25/2025/TLST -DS ngày 25 tháng 02 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2025/QĐXXST – DS ngày 24 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ph, sinh năm 1990, có mặt

Nơi cư trú: Thôn Ng, (thị trấn Tam Sơn, huyện Sông Lô cũ), xã T, tỉnh Ph

Bị đơn: Chị Phùng Thị T, sinh năm 1985, có mặt

Nơi cư trú: Thôn Th, (xã Đồng Thịnh, huyện Sông Lô cũ), xã S, tỉnh Ph.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 02 năm 2025 và các lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên chị Trần Thị Ph trình bày:

Chị và chị T là bạn bè chơi với nhau từ lâu. Từ trước đến nay do chị và chị T đều làm ăn kinh tế nên có đôi lần cả hai bên có vay tiền của nhau, xong việc lại trả ngay. Ngày 19/11/2023, chị T có hỏi vay tiền của chị để làm ăn, chị đồng ý và chuyển khoản cho chị T số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), hai bên có thỏa thuận với nhau bằng miệng về lãi suất bằng với lãi suất ngân hàng. Hai bên không viết giấy vay tiền mà chỉ nhắn tin và chuyển khoản. Đến ngày 21/12/2023,

chị T lại hỏi vay tiếp của chị số tiền: 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng) để làm ăn, chị lại chuyển khoản cho chị T số tiền này. Hai bên cũng không viết giấy gì mà chỉ nhắn tin và chuyển khoản, lãi suất vẫn thỏa thuận ngoài bằng lãi suất ngân hàng. Khi vay mượn, hai bên có thỏa thuận khi nào chị cần sẽ báo trước cho chị T trước một tháng để chị T thu xếp. Tháng 9/2024, chị có việc nên chị có nhắn cho chị T biết để thu xếp trả lại tiền cho chị, nhưng chị T lại nói rằng chị đã chuyển khoản chuyển trả lại cho chị rồi, nhưng khi chị kiểm tra giao dịch tại ngân hàng thì không có, chị T lại nói rằng chị đã trả bằng tiền mặt. Trong quá trình vay mượn, chị T chưa thanh toán chị số tiền lãi nào. Chị xác định chị T là người vay, không liên quan gì đến anh Nguyễn Trường A là chồng chị T.

Nay chị yêu cầu chị T phải trả lại chị số tiền gốc: 50.000.000 đồng tiền gốc, chị không yêu cầu lãi suất.

Bị đơn Chị Phùng Thị T trình bày: Chị xác định mối quan hệ như chị Ph trình bày là đúng. Chị xác nhận chị có 02 lần vay mượn của chị Ph, lần 01 là: 20.000.000đồng, lần 02 là 30.000.000đồng, tổng cả 02 lần là 50.000.000đồng như chị Ph trình bày là đúng. Do chị có việc nên chị hỏi vay của chị Ph để làm ăn, chị có nói chuyện với chồng chị về việc vay mượn này. Khi vay chị tự nguyện trả lãi 1%/ tháng cho chị Ph, hai bên không viết giấy gì, chỉ thỏa thuận với nhau bằng miệng. Đến cuối tháng 3/2024, chị không nhớ chính xác ngày, chị có cầm tiền mặt đến quán làm tóc của chị Ph để trả chị Ph số tiền gốc là 50.000.000đồng và 1.500.000đồng tiền lãi. Khi chị trả cho chị Ph không viết giấy tờ gì, không có ai làm chứng, chỉ có chị và chị Ph. Nay chị xác định chị đã trả cho chị Ph số tiền này, nên chị Ph khởi kiện yêu cầu chị trả lại chị không đồng ý.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã tuân theo đúng quy định về thụ lý vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự, xác định quan hệ tranh chấp, tiến hành xác minh thu thập chứng cứ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Việc vay nợ giữa chị Ph và chị T là có thật. Chị T xác nhận có vay nhưng đã trả, nhưng chị không cung cấp được tài liệu chứng minh, việc chị Ph khởi kiện chị T là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phùng đối với chị Tĩnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Trong đơn khởi kiện đề ngày 25/02/2025 chị Trần Thị Ph khởi kiện chị Phùng Thị T trú tại thôn Th, (xã Đồng Thịnh, huyện Sông Lô, tỉnh

Vĩnh Phúc cũ), xã S, tỉnh Ph. Tòa án nhân dân huyện Sông Lô (cũ), nay là Tòa án khu vực 11 đã thụ lý xác định quan hệ pháp luật “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và giải quyết theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung vụ án:

Theo lời trình bày của chị Trần Thị Ph, thì chị có chuyển khoản cho chị Phùng Thị T vay số tiền 50.000.000đồng (chuyển làm 02 lần), hai bên có thỏa thuận miệng với nhau lãi suất bằng lãi suất vay của ngân hàng, hai bên không có viết giấy gì, chỉ có sao kê của ngân hàng, hai bên không thỏa thuận thời gian trả nợ, chỉ thỏa thuận khi nào chị Ph cần sẽ báo trước để chị T thu xếp trả. Chị đã nhiều lần yêu cầu chị T trả nợ nhưng chị T không trả, chị T cho rằng chị T đã trả chị số tiền trên là không đúng.

Qua xem xét yêu cầu đề nghị của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc chị Ph cho chị T vay số tiền 50.000.000đồng như trong bản sao kê, bản thân chị Ph cũng thừa nhận có việc vay nợ số tiền này, nên xác nhận có việc chị T vay của chị Ph số tiền 50.000.000đồng vào tháng 11, 12/2023. Tuy nhiên, chị T cho rằng chị đã trả cho chị Ph số tiền vay này, nhưng chị không cung cấp được tài liệu nào chứng minh việc chị đã trả nợ cho chị Ph, nên chị Ph yêu cầu chị trả nợ là có căn cứ nên được chấp nhận. Chị Ph xác định chị T là người vay, không liên quan gì đến anh Nguyễn Trường A là chồng chị T và chị Ph chỉ yêu cầu chị T phải trả lại chị số tiền này nên chỉ cần buộc chị T phải trả lại cho chị Ph số tiền gốc đã vay là 50.000.000đồng.

Về lãi suất: chị Ph không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Phùng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Do yêu cầu của chị Trần Thị Ph được chấp nhận nên chị Ph không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466; Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ph đối với chị Phùng Thị T:

Buộc chị Phùng Thị T phải trả lại chị Trần Thị Ph số tiền gốc đã vay 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án số tiền nêu trên, người phải thi hành án không trả được, hoặc trả không đầy đủ thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Phùng Thị T phải chịu 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng). Trả lại chị Trần Thị Ph số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 1.250.000 đồng theo biên lai số: 0001199 ngày 25/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Lô (cũ), nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 11 - Phú Thọ.

Trường hợp Bản án, quyết định này được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 11- PT
- Phòng THADS khu vực 11- PT
- Các đương sự
- Lưu HS, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đã ký và đóng dấu

Ngô Thị Minh Hiệp

